

Bản án số: 767/2024/HC-PT

Ngày 23 – 7 – 2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường,  
hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Hà Huy Cầu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 946/2023/TLPT-HC ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1815/2023/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2213/2024/QĐPT-HC ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:**

1. Lê Văn V, sinh năm 1960. Thường trú: C5/BC92, Ấp C, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lê Thị Thu H, sinh năm 1966. Thường trú: 2695/1 Phạm Thế H1, phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Lê Văn Đ, sinh năm 1968. Thường trú: D14/399 Tổ 14, Ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Lê Thị Thu H2, sinh năm 1970. Thường trú: D5/147 Tổ 5, Ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Lê Thị Thu T, sinh năm 1972. Thường trú: A10/271, Ấp A, xã Đ, huyện B,

Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Lê Văn V1, sinh năm 1975. Thường trú: D9/262, Ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Lê Thị L, sinh năm 1975. Thường trú: 08 ấp D, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Lê Thị Hồng N, sinh năm 1977. Thường trú: 180/9/2 L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Lê Thị Thu C, sinh năm 1978. Thường trú: B13/403 tổ A, ấp B, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông/bà V, H, Đ, T, C, L, H2, N:* Ông Lê Văn V1, sinh năm 1975. Địa chỉ: D ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* Luật sư Nguyễn Văn T1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: C đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T2, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B (đề nghị giải quyết vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Nguyễn Văn T3 (có mặt) và ông Nguyễn Hữu P (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông/bà Lê Văn V, Lê Thị Thu H, Lê Văn Đ, Lê Thị Thu H2, Lê Thị Thu T, Lê Thị L, Lê Thị Thu C (do ông Lê Văn V1 làm người đại diện theo ủy quyền).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2022 và bản tự khai, đại diện người khởi kiện trình bày:***

Gần đây, gia đình tôi nhận được Quyết định số 4734/QĐ – UBND ngày 06/7/2022 của UBND huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Lê Văn N1 khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Dự án đường cao tốc B - L. Nhận kèm với Quyết định trên là Phiếu chiết tính chi phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung số: 3377/PCT-BBT ngày 06/7/2022 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B.

Nội dung quyết định nêu trên quy định tại Điều 1 như sau:

“Bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Lê Văn N1 (ông Lê Văn N1 đã chết, các thừa kế chưa lập khai nhận di sản thừa kế theo quy định); địa chỉ thường trú: D9/262 ấp D, xã Đ, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ giải tỏa: B, ấp B, xã Đ, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc một phần các thửa 89, 90, 99 tờ bản đồ số 37, theo tài liệu đo mới năm 2005 (trương ứng một phần thửa 156, 157, 158,

159, 160, tờ bản đồ số 11, theo tài liệu 02/CT-UB) bộ địa chính xã Đ, huyện B và một phần các thửa 82, 83, 84, tờ bản đồ số 37, theo tài liệu đo mới năm 2005 (trung ứng một phần các thửa 303, 307, 308, 309, 310, tờ bản đồ số 12, theo tài liệu 02/CT-UB), Bộ địa chính xã Đ, huyện B; do có đất bị ảnh hưởng Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bến Lức L, trên địa bàn huyện B, với tổng số tiền: 1.501.752.061 đồng (*Một tỷ, năm trăm lẻ một triệu, bảy trăm năm mươi hai ngàn, không trăm sáu mươi mốt đồng*).

Riêng phần bồi thường, hỗ trợ bổ sung về tài sản gắn liền với đất, chúng tôi đồng ý với số tiền: 40.538.000 đồng theo Phiếu chiết tính số 3377/CT-BBT.

Tuy nhiên, chúng tôi không đồng ý về đơn giá bồi thường đối với gần 2.000m<sup>2</sup> đất với số tiền chỉ là: 1.461.214.061 đồng - thấp hơn rất nhiều lần, chưa tới 1/10 lần so với giá thị trường đang giao dịch tại khu vực có đất bị thu hồi. Về căn cứ pháp luật: Khoản 2 Điều 112 Luật đất đai hiện hành quy định về giá đất cụ thể được áp dụng để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất phải: “*Phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường của loại đất có cùng mục đích sử dụng đã chuyển nhượng*”.

Trong khi đó, tại Quyết định số 4734/QĐ-UBND, UBND huyện B căn cứ giá đất theo Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các căn cứ bồi thường bổ sung đã quá lỗi thời, không còn phù hợp và gây thiệt hại rất nhiều cho gia đình chúng tôi vì giá đất thời điểm UBND huyện B ra Quyết định 4734/QĐ-UBND đã tăng lên rất nhiều lần và U cũng vừa điều chỉnh giá đất.

Điều này cho thấy đơn giá bồi thường bổ sung mà UBND huyện B áp dụng cho gia đình chúng tôi tại Quyết định 4734/QĐ-UBND là quá thấp, không thỏa đáng và vô lý.

*Yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:* Buộc UBND huyện B thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 4734/QĐ – UBND ngày 06/7/2022 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Lê Văn N1 (ông Lê Văn N1 đã chết, các thừa kế chưa lập khai nhận di sản thừa kế theo quy định).

***Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh có Văn bản số 3124/UBND ngày 21/7/2023 trình bày như sau:***

1. Ý kiến đối với việc lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ đối với phần nhà, đất bị ảnh hưởng trong dự án

Tổng diện tích nhà, đất bị ảnh hưởng trong dự án đường C - L, đoạn đi qua địa bàn huyện B của hộ ông Lê Văn N1 là 2.059,3m<sup>2</sup> (diện tích ảnh hưởng thuộc 02 GCNQSDĐ số 925 ngày 16 tháng 6 năm 1995). Trong đó, gồm phần đất có nhà ở diện tích 242,4m<sup>2</sup> (theo Bản đồ hiện trạng vị trí, số hợp đồng 01/HĐĐĐ/BBT-ĐP229 do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 20 tháng 5 năm 2013 và được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận ngày 17 tháng 10 năm 2013) và phần đất nông nghiệp diện tích 1.816,9m<sup>2</sup> (theo Bản đồ hiện trạng, vị trí, số hợp đồng 01/HĐĐĐ/BBT-ĐP229A do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 29 tháng 11 năm 2019 và được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận ngày 7 tháng 01 năm 2020). Việc lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ cụ thể như sau:

**1.1. Về lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất có nhà ở diện tích 242,4m<sup>2</sup>**

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 925/QSDD ngày 16 tháng 6 năm 1995 của Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ ông Lê Văn N1.

Căn cứ Biên bản đo đạc và kiểm kê tài sản của người có tài sản gắn liền với đất do Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B lập ngày 26 tháng 12 năm 2012; Bản vẽ điều tra hiện trạng nhà do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 05 tháng 4 năm 2013 được ông Lê Văn N1 ký xác nhận; Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản bị ảnh hưởng trong Dự án đường C - L, đoạn đi qua địa bàn huyện B của hộ ông Lê Văn N1 ngày 26 tháng 12 năm 2012, được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận ngày 17 tháng 10 năm 2013; Bản đồ hiện trạng vị trí số 01/HĐĐĐ/BBT do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 20 tháng 5 năm 2013, được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận ngày 17 tháng 10 năm 2013.

Ngày 21 tháng 01 năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1983/QĐ-UBND về thu hồi đất do hộ ông Lê Văn N1 sử dụng tại xã Đ để thực hiện Dự án xây dựng đường C trên địa bàn huyện B, thành phố H, với diện tích thu hồi 242,4m<sup>2</sup>.

Ngày 14 tháng 01 năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 275/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Lê Văn N1, địa chỉ: D, ấp D xã Đ, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh thuộc Dự án, với số tiền: 2.290.545.950 đồng (bồi thường đất ở diện tích 152,2m<sup>2</sup> và bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp trong khu dân cư diện tích 90,2m), hộ ông Lê Văn N1 đã ký hồ sơ, nhận số tiền trên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 3338/QĐ-UBND về bồi thường bổ sung đối với hộ ông Lê Văn N1, địa chỉ: D, ấp D xã Đ, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh thuộc Dự án, với số tiền: 124.802.918 đồng, hộ ông Lê Văn N1 đã ký hồ sơ, nhận số tiền trên.

Hộ ông Lê Văn N1 đã đồng ý ký bàn giao mặt bằng. Ngày 02 tháng 02 năm 2018, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định 831/QĐ-UBND về khen thưởng đối với hộ ông Lê Văn N1, địa chỉ ấp D xã Đ, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh thuộc Dự án, với sự số tiền: 2.500.000 đồng. Hộ ông Lê Văn N1 đã ký nhận số tiền trên.

## **1.2. Về lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với phần đất 1.816,9m<sup>2</sup>**

Ngày 28 tháng 5 năm 2022, ông Lê Văn N1 chết. Qua quá trình vận động ông Lê Văn V1, Lê Thị Thu H ký hồ sơ nhận tiền và bàn giao mặt bằng, gia đình có phản ánh không thấy công khai quyết định bồi thường phần đất nông nghiệp kế trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ đối với hộ ông Lê Văn N1.

Qua phản ánh, ngày 01 tháng 11 năm 2019, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra, thì phần đất nông nghiệp kế trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ của hộ ông Lê Văn N1 chưa lập thủ tục kê khai, do đó, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng đã hướng dẫn hộ ông Lê Văn N1 lập thủ tục kê khai đo đạc bổ sung phần đất trên, cụ thể:

+ Biên bản đo đạc và kiểm kê tài sản của người có tài sản gắn liền với đất do Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B lập ngày 01 tháng 11 năm 2019.

+ Bản đồ hiện trạng vị trí số 01/HĐĐĐ/BBT-ĐP229A do Công ty Đ2 lập ngày 29 tháng 11 năm 2019, được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận ngày 07 tháng 01 năm 2020.

+ Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản bị ảnh hưởng trong Dự án đường C - L, đoạn đi qua địa bàn huyện B của hộ ông Lê Văn N1 ngày 01 tháng 11 năm 2019, được Ủy Ban nhân dân xã Đ xác nhận ngày 07 tháng 01 năm 2020.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1487/QĐ-UBND về điều chỉnh diện tích, số thửa đất tại Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện B; theo đó điều chỉnh diện tích thu hồi đất từ 242,4 m<sup>2</sup> thành 2.059,3m<sup>2</sup>.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, Hội đồng bồi thường dự án có Biên bản họp Số 248/BB-HĐBT về thông qua việc lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Lê Văn N1 thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc B - L, trên địa bàn huyện B.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định số 4734/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Lê Văn N1 (ông Lê Văn N1 đã chết, các thừa kế chưa lập khai nhận di sản thừa kế theo quy định), địa chỉ thường trú: D9/262 ấp D, xã Đ, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức L, trên địa bàn huyện B, với số tiền 1.501.752.061 đồng (đính kèm Phiếu chiết tính số 3359/PCT-BBT ngày 24 tháng 9 năm 2020), gồm các khoản:

#### **- Về tính bồi thường về đất**

+ Đất ở mặt tiền đường Quốc lộ 50 thuộc một phần thửa 89 tờ bản đồ số 37 theo tài liệu năm 2005 (tương ứng một phần thửa 157 tờ bản đồ số 11, theo tài liệu 02/CT-UB) Bộ địa chính xã Đ, huyện B: 152,2m<sup>2</sup> x 11.608.000 đồng = 1.766.737.600 đồng.

+ Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm trong khu dân cư mặt tiền đường, thuộc một phần các thửa 156, 160, tờ bản đồ số 11, theo tài liệu 02/CT-UB (tương ứng một phần các thửa 89, 90, tờ bản đồ số 37) và một phần các thửa 307, 308, 309, tờ bản đồ số 12, theo tài liệu 02/CT-UB (tương ứng với đường, tờ bản đồ số 37, theo tài liệu đo mới năm 2005, Bộ địa chính xã Đ: 1.533,5m<sup>2</sup> x 375.000 đồng = 575.062.500 đồng.

+ Đất nông nghiệp trong khu dân cư không mặt tiền đường, thuộc một phần các thửa 158, 159, tờ bản đồ số 11, theo tài liệu 02/CT-UB (tương ứng một phần thửa 89, 99, tờ bản đồ số 37, theo tài liệu đo mới năm 2005) và một phần các thửa 303, 310 tờ bản đồ số 12, tài liệu 02/CT-UB (tương ứng một phần thửa 83, 84, tờ bản đồ số 37, tài liệu bản đồ đo mới năm 2005) Bộ địa chính xã Đ: 286,6m<sup>2</sup> x 304.000 đồng = 87.126.400 đồng.

+ Đất nông nghiệp vị trí mặt tiền đường, thuộc một phần các thửa 307, 308, 309, tờ bản đồ số 12, theo tài liệu 02/CT-UB (tương ứng với đường (a), tờ bản đồ số 37, theo tài liệu đo mới năm 2005), Bộ địa chính xã Đ: 87m<sup>2</sup> hiện trạng là đường giao thông, không sử dụng: không tính bồi thường, hỗ trợ.

+ Khấu trừ mục 2, phần II Phiếu chiết tính số 1560/PCT-BBT ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng: - 1.820.212.150 đồng.

+ Khấu trừ mục 2, phần II Phiếu chiết tính số 2756/PCT-BBT ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng: - 96.372.918 đồng.

**- Về hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp:**

+ Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm trong khu dân cư mặt tiền đường, thuộc một phần các thửa 156, 160, tờ bản đồ số 11, theo tài liệu 02/CT-UB (tương ứng một phần các thửa 89, 90, tờ bản đồ số 37) và một phần các thửa 307, 308, 309, tờ bản đồ số 12, theo tài liệu 02/CT-UB (tương ứng với đường, tờ bản đồ số 37, theo tài liệu đo mới năm 2005, Bộ địa chính xã Đ, diện tích  $1.533,5 \text{ m}^2 = 799.505.560$  đồng.

+ Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm vị trí không mặt tiền đường, thuộc một phần các thửa 158, 159, tờ bản đồ số 12, theo tài liệu 02/CT-UB (tương ứng một phần các thửa 89, 99 tờ bản đồ số 37, theo tài liệu đo mới năm 2005), Bộ địa chính xã Đ, diện tích  $64,7 \text{ m}^2 = 33.644.000$  đồng.

+ Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm vị trí không mặt tiền đường, thuộc một phần các thửa 303, 310, tờ bản đồ số 12, theo tài liệu 02/CT-UB (tương ứng một phần thửa 84, tờ bản đồ số 37, theo tài liệu đo mới năm 2005), Bộ địa chính xã Đ, diện tích  $221,9 \text{ m}^2 = 115.723.069$  đồng.

- **Về vật kiến trúc:** Hàng rào (tường xây cao 1,4m + lưới B40 cao ra 1,5m cột BTCT) =  $188,64 \text{ m}^2 \times 150.000$  đồng = 28.296.000 đồng.

- **Về cây trồng:** 12.242.000 đồng.

Như vậy, Quyết định số 4734/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Lê Văn N1 (ông Lê Văn N1 đã chết, các thửa kế chưa lập khai nhận di sản thừa kế theo quy định), địa chỉ thường trú: D9/262 ấp D, xã Đ, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Dự án xây dựng đường C - L, trên địa bàn huyện B là đúng quy định.

**2. Đề nghị:**

Từ cơ sở trên, Ủy ban nhân dân huyện B kính đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố đưa vụ án ra xét xử theo hướng giữ nguyên nội dung Quyết định số 4734/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện B.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1815/2023/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:*

Căn cứ các Điều 3, Điều 32, Điều 116, Điều 123, Điều 143, Điều 157, Điều 193, Điều 194 và Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai năm 2003.

Căn cứ khoản 6 Điều 210 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ khoản 3 Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Không Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông/bà Lê Văn V, Lê Thị Thu H, Lê Văn Đ, Lê Thị Thu H2, Lê Thị Thu T, Lê Văn V1, Lê Thị L, Lê Thị Hồng N, Lê Thị Thu C về buộc Ủy ban nhân dân huyện B thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 4734/QĐ UBND ngày 06/7/2022 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Lê Văn N1 (ông Lê Văn N1 đã chết, các thừa kế chưa lập khai nhận di sản thừa kế theo quy định).

*Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.*

Ngày 28/9/2023, người khởi kiện ông/bà Lê Văn V, Lê Thị Thu H, Lê Văn Đ, Lê Thị Thu H2, Lê Thị Thu T, Lê Thị L, Lê Thị Thu C (do ông Lê Văn V1 làm đại diện theo ủy quyền) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện nêu trên giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng diện tích 1.816,9m<sup>2</sup> của hộ gia đình ông Lê Văn N1 là diện tích phát sinh thu hồi mới vì vậy UBND huyện B phải ban hành quyết định thu hồi đối với diện tích nêu trên và thực hiện đúng trình tự, thủ tục về thu hồi và bồi thường, hỗ trợ theo quy định của Luật đất đai năm 2013. Việc UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi bổ sung là không phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy tòa án cấp sơ thẩm xét xử và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông/bà Lê Văn V, Lê Thị Thu H, Lê Văn Đ, Lê Thị Thu H2, Lê Thị Thu T, Lê Thị L, Lê Thị Thu C (do ông Lê Văn V1

làm đại diện theo ủy quyền) đúng về hình thức, nội dung và nộp trong thời hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ.

[1.2] Người đại diện hợp pháp của người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Các ông/bà Lê Văn V, Lê Thị Thu H, Lê Văn Đ, Lê Thị Thu H2, Lê Thị Thu T, Lê Văn V1, Lê Thị L, Lê Thị Hồng N, Lê Thị Thu C khởi kiện yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện B thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 4734/QĐ UBND ngày 06/7/2022 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Lê Văn N1 (ông Lê Văn N1 đã chết, các thừa kế chưa lập khai nhận di sản thừa kế theo quy định).

Đây là Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Căn cứ các Điều 30, Điều 32 và điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất*”, thuộc thẩm quyền giải quyết và còn thời hiệu khởi kiện là đúng quy định.

[3] Về nội dung:

[3.1] Tổng diện tích nhà, đất bị ảnh hưởng trong dự án đường C - L, đoạn đi qua địa bàn huyện B của hộ ông Lê Văn N1 là 2.059,3m<sup>2</sup> thuộc 02 GCNQSDĐ số 925 ngày 16 tháng 6 năm 1995. Trong đó, gồm phần đất có nhà ở diện tích 242,4m<sup>2</sup> và phần đất nông nghiệp diện tích 1.816,9m<sup>2</sup>.

Ngày 21 tháng 01 năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1983/QĐ-UBND về thu hồi đất do hộ ông Lê Văn N1 sử dụng tại xã Đ để thực hiện Dự án xây dựng đường C trên địa bàn huyện B, thành phố H, với diện tích thu hồi 242,4m<sup>2</sup>.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1487/QĐ-UBND về điều chỉnh diện tích, số thửa đất tại Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện B; theo đó điều chỉnh diện tích thu hồi đất từ 242,4 m<sup>2</sup> thành 2.059,3m<sup>2</sup>.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, Hội đồng bồi thường dự án có Biên bản họp Số 248/BB-HĐBT về thông qua việc lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Lê Văn N1 thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc B - L, trên địa bàn huyện B.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định số 4734/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Lê Văn N1 (ông Lê Văn N1 đã chết, các thừa kế chưa lập khai nhận di sản thừa kế theo quy định), địa chỉ thường trú: D9/262 ấp D, xã Đ, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức L, trên địa bàn huyện B, với số tiền 1.501.752.061 đồng.

[3.2] Người khởi kiện không đồng ý đơn giá bồi thường đối với gần 1.816,9m<sup>2</sup>



theo phương án được phê duyệt năm 2014 mà yêu cầu áp dụng khoản 2 Điều 112 Luật đất đai năm 2013, Hội đồng xét xử xét thấy:

Diện tích thu hồi bổ sung là 1.816,9m<sup>2</sup> của hộ gia đình ông Lê Văn N1 thuộc một phần các thửa 89, 90, 99 tờ bản đồ số 37, theo tài liệu đo mới năm 2005 (tương ứng một phần thửa 156, 157, 158, 159, 160, tờ bản đồ số 11, theo tài liệu 02/CT-UB) bộ địa chính xã Đ, huyện B và một phần các thửa 82, 83, 84, tờ bản đồ số 37, theo tài liệu đo mới năm 2005 (tương ứng một phần các thửa 303, 307, 308, 309, 310, tờ bản đồ số 12, theo tài liệu 02/CT-UB), Bộ địa chính xã Đ, huyện B.

Căn cứ Biên bản đo đạc và kiểm kê tài sản của người có tài sản gắn liền với đất do Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B lập ngày 26 tháng 12 năm 2012, được UBND xã Đ xác nhận ngày 17/10/2013 thì ông Lê Văn N1 đã kê khai tổng diện tích đất đang sử dụng là 21.612m<sup>2</sup>. Tuy nhiên ngày 21 tháng 01 năm 2014 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1983/QĐ-UBND chỉ thu hồi diện tích 242,4 m<sup>2</sup>. Vì thế UBND huyện B cho rằng người bị thu hồi đất kê khai thiếu nên ngày 16 tháng 3 năm 2020 ban hành Quyết định số 1487/QĐ-UBND về điều chỉnh diện tích, số thửa đất tại Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện B; theo đó điều chỉnh diện tích thu hồi đất từ 242,4 m<sup>2</sup> thành 2.059,3m<sup>2</sup> là không đúng quy định, không đảm bảo quyền lợi của người bị thu hồi đất. Trong trường hợp này việc thu hồi thiếu diện tích là thiếu sót của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng nên UBND huyện B phải ban hành quyết định thu hồi mới đối với diện tích 1.816,9m<sup>2</sup> đất nêu trên theo đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất quy định tại các Điều 67 và Điều 69 Luật đất đai 2013.

Như nhận định nêu trên và do Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện B không thu hồi diện tích 1.816,9m<sup>2</sup> mà chỉ mới được thu hồi bổ sung tại Quyết định số 1487/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2020. Do đó không áp dụng khoản 6 Điều 210 Luật đất đai năm 2013 và khoản 3 Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định “*Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt*”.

Do đó, Quyết định số 4734/QĐ – UBND ngày 06/7/2022 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Lê Văn N1 được ban hành là không đúng quy định của pháp luật về đất đai cần phải hủy bỏ nên Quyết định số 1487/QĐ-UBND là Quyết định hành chính có liên quan cũng cần phải được hủy bỏ.

[4] Từ các căn cứ nêu trên nên kháng cáo của người khởi kiện và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;*

[1] Chấp nhận kháng cáo của ông/bà Lê Văn V, Lê Thị Thu H, Lê Văn Đ, Lê Thị Thu H2, Lê Thị Thu T, Lê Thị L, Lê Thị Thu C (do ông Lê Văn V1 làm đại diện theo ủy quyền).

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 1815/2023/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Căn cứ các Điều 3, Điều 32, Điều 116, Điều 123, Điều 143, Điều 157, Điều 193, Điều 194 và Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;*

*Căn cứ Luật đất đai năm 2003;*

*Căn cứ khoản 6 Điều 210 Luật đất đai năm 2013.*

*Căn cứ khoản 3 Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.*

*Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

[2] Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông/bà Lê Văn V, Lê Thị Thu H, Lê Văn Đ, Lê Thị Thu H2, Lê Thị Thu T, Lê Văn V1, Lê Thị L, Lê Thị Hồng N, Lê Thị Thu C.

- Hủy Quyết định số 4734/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B “Về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Lê Văn N1 (ông Lê Văn N1 đã chết, các thừa kế chưa lập khai nhận di sản thừa kế theo quy định)”.

- Hủy Quyết định 1487/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện B “Về việc điều chỉnh diện tích, số thửa đất tại Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện B”.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của Luật đất đai.

[3] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện là các ông/bà Lê Văn V, Lê Thị Thu H, Lê Văn Đ1, Lê Thị Thu H2, Lê Thị Thu T, Lê Văn V1, Lê Thị L, Lê Thị Hồng N, Lê Thị Thu C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho người khởi kiện nêu trên (do ông Lê Văn V1 làm đại diện theo ủy quyền) số tiền

300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0003737 ngày 19/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm.

[4.1] Án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện là các ông/bà Lê Văn V, Lê Thị Thu H, Lê Văn Đ, Lê Thị Thu H2, Lê Thị Thu T, Lê Thị L, Lê Thị Thu C (do ông Lê Văn V1 làm đại diện theo ủy quyền) không phải chịu. Hoàn trả cho các đương sự nêu trên mỗi người 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu số 0002478 ngày 13/10/2023 (bà C), số 0002479 ngày 13/10/2023 (bà L), số 0002480 ngày 13/10/2023 (bà T), số 0002481 ngày 13/10/2023 (bà H2), số 0002482 ngày 13/10/2023 (ông V), số 0002483 ngày 13/10/2023 (bà H), số 0002484 ngày 13/10/2023 (ông Đ) của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND TP Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh; (1)
- NKK; (9)
- NBK; (1)
- Lưu VT (6), HS (2) T.23 (BA 36)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Long**